TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11-11-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng.

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 764/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp *"Ly hôn, về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 560/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị P, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Võ Văn Kỳ E, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp Q 1, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Trịnh Thị P trình bày: Chị và anh Võ Văn Kỳ E tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Kỳ E bạo hành chị mỗi khi say rượu nên mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn chung sống đến nay. Từ khi không còn chung sống, hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, nhận thấy tình cảm không

còn chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn Kỳ E. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Như A, sinh ngày 17/3/2008 và Võ Văn Quốc P1, sinh ngày 06/7/2012 (hiện do anh Kỳ E chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị đồng ý để anh Kỳ E được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị P có yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Võ Văn Kỳ E trình bày: Anh và chị Trịnh Thị P tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cách nay khoảng hơn 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và không còn chung sống đến nay. Nay, đối với yêu cầu ly hôn của chị P, anh đồng ý. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Như A, sinh ngày 17/3/2008 và Võ Văn Quốc P1, sinh ngày 06/7/2012 (hiện do anh Kỳ E chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Kỳ E giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị P và anh Võ Văn Kỳ E kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Chợ Mới ngày 03/5/2008, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng làm rẫy thất mùa nên thiếu nợ, vợ chồng lên tỉnh Bình Dương làm công nhân, làm công nhân được một thời gian thì anh Kỳ E hay uống rượu về đánh chị P nhiều lần, chị P bỏ về quê tránh né. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, chị P yêu cầu ly hôn với anh Kỳ E, anh Kỳ E đồng ý. Xét sự tự nguyện và thuận tình ly hôn giữa chị P và anh Kỳ E là phù hợp Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên công nhận. Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị Như A - Sinh ngày 17/3/2008 và Võ Văn Quốc P1 - Sinh ngày 06/7/2012. Hiện, cháu A và cháu P1 đang được anh Kỳ E chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh Kỳ E yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, chị P đồng ý để anh Kỳ E tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Mặc khác cháu A và cháu Phòng có nguyện vọng sống chung với anh Kỳ E, nghĩ nên công nhận sự tự nguyện thỏa thuận và chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp

luật. Xét sự tự nguyện của chị P không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, xem xét:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị P và anh Võ Văn Kỳ E.

- Anh Võ Văn Kỳ E được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Thị Như A - Sinh ngày 17/3/2008 và Võ Văn Quốc P1 - Sinh ngày 06/7/2012, chị Trịnh Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị P cấp dưỡng nuôi con chung tên Võ Thị Như A, Võ Văn Quốc Phòng mỗi tháng 750.000đ/con đến khi hai con chung thành niên và có khả năng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trịnh Thị P yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn Kỳ E, anh Kỳ E có nơi cư trú ấp Q 1, xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Trịnh Thị P có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P là có căn cứ.

[3] Chị Trịnh Thị P và anh Võ Văn Kỳ E thống nhất: Anh chị có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007, chị P cho rằng vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, anh Kỳ E cho rằng vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ thì chị P và anh Kỳ E có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 03/5/2008 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị P và anh Kỳ E là hợp nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết thì phía anh Kỳ E cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị P, anh Kỳ E xác định, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Như A, sinh ngày 17/3/2008 và Võ Văn Quốc P1, sinh ngày 06/7/2012 (hiện do anh Kỳ E chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị P và

anh Kỳ E thống nhất thỏa thuận, anh Kỳ E được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Bên cạnh đó, thì 02 cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung cùng cha (Kỳ E). Xét thấy, khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con và sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Kỳ E không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Tuy nhiên, chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật. Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, điều này thể hiện trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con đối với con sau khi ly hôn và tạo điều kiện cho người trực tiếp nuôi con được tốt hơn. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con của chị P.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị P và anh Kỳ E không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị P và anh Kỳ E không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị P đối với anh Võ Văn Kỳ E.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận chị Trịnh Thị P và anh Võ Văn Kỳ E thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 52, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 03 tháng 5 năm 2008 cho chị Trịnh Thị P và anh Võ Văn Kỳ E không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Anh Võ Văn Kỳ E được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Thị Như A, sinh ngày 17/3/2008 và Võ Văn Quốc P1, sinh ngày 06/7/2012 (hiện do anh Kỳ E chăm sóc, nuôi dưỡng).

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng dưỡng nuôi 02 con chung, 750.000đ/tháng/con của chị Trịnh Thị P cho đến khi 02 con chung tên Võ Thị Như A, sinh ngày 17/3/2008 và Võ Văn Quốc P1, sinh ngày 06/7/2012 thành niên và có khả năng lao động.

Anh Võ Văn Kỳ E cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Trịnh Thị P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Trịnh Thị P và anh Võ Văn Kỳ E tự thỏa thuận.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Trịnh Thị P và anh Võ Văn Kỳ E xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị P và anh Kỳ E phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng, chị Trịnh Thị P phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0013512 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị P phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Anh Thư